



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 02-05 : 2009 /BNNPTNT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
CƠ SỞ SẢN XUẤT THỰC PHẨM KHÔ – ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG SINH AN
TOÀN TRONG CỘNG HÒA

National technical regulation

Dried fish processing establishments – Conditions for food safety

LỜI NÓI ĐẦU

QCVN.02-05: 2009/BNNPTNT do Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản biên soạn, Viện Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt và được ban hành kèm theo Thông tư 47/2009/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**C S CH BI N TH Y S N KHÔ – I U KI N M B O V SINH AN
TOÀN TH C PH M**

Dried fish processing establishments – Conditions for food safety

1. Quy nh chung

1.1. Ph m vi i u ch nh

Quy chu n này quy nh nh ng i u ki n m b o an toàn cho c s ch bi n th y s n khô dùng làm th c ph m.

1.2. i t ng áp d ng

1.2.1. Quy chu n này áp d ng i v i các c s ch bi n th y s n khô dùng làm th c ph m

1.2.2. Quy chu n này không áp d ng cho các c s ch bi n th y s n khô th công, quy mô h gia ình, các c s ch bi n s n ph m khô n li n

1.3. Gi i thích t ng

Trong Quy chu n này, các t ng d i ây c hi u nh sau:

1.3.1. *Khu v c t* là khu v c ti p nh n, phân lo i, x lý và ch bi n các s n ph m và bán thành ph m th y s n ph i s d ng n c ho c n c á.

1.3.2. *Khu v c khô* là khu v c ti n hành các công o n ch bi n th y s n b ng các thi t b , d ng c ph i, s y, cán ép và bao gói, b o qu n s n ph m.

1.3.3. *C s ch bi n th y s n khô* là c s có th ch bi n ít nh t m t trong các d ng s n ph m sau: th y s n khô, th y s n khô t m gia v , th y s n khô hun khói, th y s n khô t m gia v n li n và th y s n khô n li n.

2. Quy nh v k thu t

C s ch bi n th y s n khô ph i theo úng nh ng quy nh chung i v i c s ch bi n th y s n v : a i m (i u 2.1.1), thi t b và d ng c (i u 2.1.5), h th ng x lý ch t thi (i u 2.1.10), qu n lý ch t l ng và ATVSTP (i u 2.4), nhà v sinh (i u 2.1.11.4), ph ng ti n làm v sinh và kh trùng (i u 2.1.11) và công nhân ch bi n (i u 2.1.14) c a QCVN 02-01: 2009/BNNPTNT v C s ch bi n th y s n – i u ki n chung m b o an toàn th c ph m; ngoài ra ph i áp ng thêm các yêu c u sau:

2.1. Nhà x ng

2.1.1. Nhà x ng c a c s ch bi n th y s n khô ph i có 2 khu v c cách bi t nhau là khu v c t và khu v c khô.

2.1.2. Khu v c t.

a) Ph i có m t b ng r ng, thoáng, s ch; có t ng bao xung quanh ng n cách v i bên ngoài, ng n ch n c các tác nhân gây ô nhi m nh : b i, mùi hôi, ng v t gây h i d làm v sinh và kh trùng;

b) K t c u, v t li u nhà x ng;

- Ph i có k t c u v ng ch c, phù h p v i quy trình ch bi n th y s n khô, v t li u làm nhà x ng ph i không c;

- Mái nhà ph i ch c ch n, ng n ch n c n c m a, b i b n t trên r i xu ng;

- Nhà x ng ph i làm t v t li u c ng, b n, không c, không ng m n c, không ng n c, không tr n và có rãnh thoát n c t t;

- B m t t ng làm b ng v t li u b n, không ng m n c và có màu sáng. T ng ph i nh n, không có v t n t, d làm v sinh và b o trì t t;

- Tr n nhà ph i có màu sáng, d làm v sinh.

c) Khu p mu i và t m gia v ph i r ng; thoáng; n n c làm b ng v t li u b n, c ng và không c, không ng m n c, có nghiêng h p lý, d thoát n c, d làm v sinh, c thi t k ng n ch n t p ch t, b i b n và côn trùng xâm nh p;

d) Khu x lý nhi t (lu c, ch n, h p, n ng, s y ...) ph i c thi t k m b o thông thoáng, thoát nhi t, thoát m và thoát mùi nhanh, d làm s ch và kh trùng.

2.1.3. Khu v c khô

a) Khu v c trung gian x lý bán thành ph m

- Có m t b ng r ng, thoáng, có mái che ch c ch n;

- Có h th ng làm khô x lý s n ph m khi c n thi t.

b) Khu v c ph i và sân ph i.

- Có m t b ng r ng, thoáng gió không ng n c; cách xa ng giao thông, xa m t n c r ng: ao, h ; không có b i khói, khí th i ho c ngu n ô nhi m khác;

- M t sân ph i ph i c làm b ng v t li u b n, c ng, không c, có nghiêng h p lý d thoát n c, d làm v sinh.

2.2. Thi t b , d ng c

2.2.1. Thi t b , d ng c khu v c t

a) Thi t b , d ng c p mu i, t m gia v , s n ph m ph i làm b ng v t li u b n, không c, không g , không n mòn, c phép dùng trong th c ph m. Có k t c u m b o thao tác thu n l i, có n p ch ng côn trùng và d làm v sinh.

b) Thi t b , d ng c lu c, ch n, h p, s y, n ng ph i làm b ng v t li u không c, không g , không b n mòn. Các khay, giá, v ng s n ph m ph i làm b ng v t li u không g , có k t c u d làm s ch và kh trùng.

2.2.2. Thi t b , d ng c khu v c khô.

a) Giàn ph i ph i có k t c u ch c ch n, b m t ti p xúc v i s n ph m c làm b ng v t li u không gây c, m b o thoáng, thoát m nhanh. c phép dùng các lo i v t li u nh ; tre, g , l i nilon làm giàn ph i. Giàn ph i ph i t cách m t sân ít nh t 0,5m;

b) Các lo i thi t b cán, ép, s y, n ng ph i c v sinh s ch s ngay sau m i ca s n xu t và c b o trì nh k . Giàn ph i ph i c gi gìn s ch s , khi không s d ng ph i c c t gi n i khô ráo h p v sinh.

2.3. Qu n lý ch t l ng và an toàn th c ph m

- C s ph i có h th ng ki m soát ch t l ng phù h p v i quy mô, lo i hình s n xu t và s n ph m c a c s

- Ph i ki m tra, phân tích các ch tiêu c m quan, hóa lý, vi sinh b t bu c i v i s n ph m th y s n khô theo quy nh hi n hành.

2.4. V sinh cá nhân

2.4.1. Ng i làm vi c t i khu v c t ph i theo úng nh ng quy nh trong i u 2.1.14 c a QCVN 02-01:2009/BNNPTNT.

2.4.2. Ng i làm vi c t i khu v c khô ph i m c qu n áo b o h lao ng sáng màu, i m b o h che kín tóc, ph i eo g ng tay khi thao tác v i bán thành ph m và thành ph m, ph i eo kh u trang khi làm vi c phòng ki m tra ch t l ng s n ph m và phòng bao gói.

2.5. Bao gói, b o qu n và v n chuy n

2.5.1. Bao gói

- a) Vi c bao gói th y s n khô ph i c ti n hành khu v c khô ráo, thoáng, h p v sinh;
- b) V t li u bao gói th y s n khô ph i c b o qu n n i riêng bi t, kín, khô ráo, ch ng c s xâm nh p c a côn trùng và ng v t gây h i;
- c) V t li u bao gói th y s n khô ph i có b n ch c, có b m t nh n, không th m n c phù h p v i t ng lo i s n ph m;
- d) V t li u bao gói th y s n khô không c nh h ng n c tính c m quan và không là ngu n gây nhi m cho s n ph m.

2.5.2. B o qu n và v n chuy n.

- a) S n ph m th y s n khô ph i c b o qu n và v n chuy n trong i u ki n h p v sinh. Không c b o qu n ho c v n chuy n s n ph m th y s n khô cùng v i các lo i s n ph m khác. Ph ng ti n v n chuy n ph i s ch, b m t ph ng ti n ti p xúc s n ph m ph i khô, h p v sinh, có thi t b che m a, n ng;
- b) Kho b o qu n th y s n khô ph i s ch s , thoáng mát; có giá, b c kê x p s n ph m, ng n ch n c chu t, côn trùng xâm nh p. Nhi t kho b o qu n phù h p v i t ng lo i s n ph m.

3. Quy nh v qu n lý

3.1. Ch ng minh h p quy

3.1.1. C s ch bi n th y s n khô ph i th c hi n ch ng nh n h p quy v i u ki n m b o v sinh an toàn th c ph m theo Quy t nh s 24/2007/Q -KBKHCN ngày 28 tháng 9 n m 2007 v “Quy nh v ho t ng ch ng nh p h p chu n, ch ng nh n h p quy, công b h p chu n, công b h p quy”

3.1.2. T ch c ch ng nh n s phù h p c thành l p và ho t ng theo Ngh nh s 127/2007/N -CP 01/8/2007 v “Quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t tiêu chu n và quy chu n k thu t” c B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn ch nh ti n hành ch ng nh n h p quy c s ch bi n th y s n khô.

3.1.3. Ph ng th c ánh giá, ch ng nh n c s ch bi n th y s n khô h p quy th c hi n theo h ng d n c a B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn.

3.2. Công b h p quy.

3.2.1. Các sơ chế biến thủy sản không được chế biến thành sản phẩm quy phạm thực phẩm công nghiệp quy và ghi nhãn công nghiệp quy và các quan quản lý Nhà nước chuyên ngành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi.

3.2.2. Việc công nghiệp quy thực phẩm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007.

3.3. Giám sát chi tài.

3.3.1. Các sơ chế biến thủy sản không và Tổ chức chế biến thành sản phẩm thanh tra, kiểm tra nhà nước tại các cơ sở sản xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc các quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền địa phương.

3.3.2. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm phải tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Tổ chức thực hiện.

3.4.1. Các sơ chế biến thủy sản không được quy định trong 1.2, có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.4.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cho các đơn vị chức năng phân biệt, hướng dẫn và thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

3.4.3. Trong trường hợp các quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản mới do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký ban hành./.